

Đo lưu lượng dầu*(Hãng Macnaught – Úc)*

Model: TM 100

Dải đo: 7 đến 200 lít/phút

Cấp chính xác: $\pm 3\%$ dải đo

Áp suất max: 20,6 bar

Cổng vào: 1" BSPT or NPT

**Thiết bị báo mức dầu DO***(Hãng Piusi – Italia)*

Model: OCIO

Dải đo: 0 đến 4m

Nguồn: 200-230VAC

50/60HZ/20W

Tiêu chuẩn bảo vệ: IP 54

Hiển thị LCD

Độ nhớt: up to 30 Cst

Kích thước: 300x410x100

Cấp chính xác: $\pm 1\%$

Bao gồm: đầu rò

Ống: dài 10m

**Đo lưu lượng dầu***(Hãng Macnaught – Úc)*

Model: IM50-01

Dải đo: 1 đến 30 lít/phút

(0.26-8 US gal/min)

Cấp chính xác: 0,5% dải đo

Áp suất max: 103,5 bar

Cổng vào: 2" BSPT or NPT (F)

Cổng ra : 1/2" BSPT or NPT (F)

Nhiệt độ hoạt động: -10°C (14°F) to +55°C (131°F)

**Đo lưu lượng dầu hiển thị cơ***(Hãng Macnaught – Úc)*

Model: MEC40ARG-2L

Dải đo:

+Dưới 5 cPs : 15 to 235 l/m

+Từ 5 đến 1000 cPs: 10 to 250 l/m

Nhiệt độ max: 80°C

Cấp chính xác: $\pm 1\%$

Áp suất max: 18 bar

Vật liệu: Thân bằng nhôm

Trục: Thép không gỉ

Hiển thị: Kỹ thuật số

Kích thước: DN 40mm

**Thiết bị báo mức siêu âm chất lỏng***(Hãng Nivelco – Hungary)*

Model: SPA38N-4

Dải đo: 6m

2 dây

Vật liệu: PP

Kết nối: 2" NPT 1" BSP

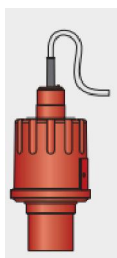
Tín hiệu ra: 4...20 mA/HART

Nhiệt độ môi trường: -30 °C ... +80 °C

Áp suất: 0.03 ... 0.3 MPa (0.3 ... 3 bar)

Cấp chính xác: $\pm (0.2\% \text{ of measured distance} + 0.05\% \text{ of range})$

Nguồn cấp: 11.8 ... 36 V DC / 44 ... 800 mW

**Bộ điều chỉnh áp khí***(Hãng EA – Đức)*

Model: KO 668023

Đầu ra: 0.5 đến 10 bar

Đầu vào max: 16 bar

Kết nối:

Female B.S.P theard G1/2

Dải nhiệt độ: 60°C



Thước cặp điện tử

(Hãng Marh – Đức)

Model: 16EW 4102901

Dải đo: 0 đến 150mm

Độ phân dải: 0,01mm

Sai số giới hạn: 0,03mm

Hiển thị LCD

Tiêu chuẩn bảo vệ: IP 67

Vật liệu: Ultraludur

**Panme điện tử**

(Hãng Marh – Đức)

Model: 40 EW/4151700

Dải đo: 0 đến 25mm

Độ phân giải: 0,001mm

Sai số giới hạn: 4mm

Trục chính: 0,63mm

Hiển thị LCD với độ cao 8.5mm

Tiêu chuẩn bảo vệ: IP 65

**Thước đo độ cao**

(Hãng Marh – Đức)

Model: 27ES

Hiển thị điện tử

Dải đo: 300mm

**Thước Micrometer**

(Hãng Mitutoyo – Nhật)

Model: 103-101-10

Dải đo: 0 đến 1"

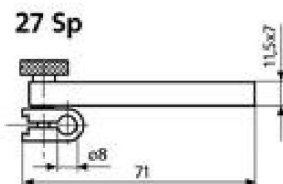
Độ chia 0,01mm

Kích thước lớn nhất

có thể đo 100 (mm)

**Đồng hồ so hiển thị kim**

Model: 4123041

**Đồng hồ so**

(Hãng Mitutoyo – Nhật)

Model: 2046S

Phạm vi đo: 10mm

Độ chia: 0.01 mm

**Thiết bị đo độ cứng cứng cao su**

(Hãng Mitutoyo – Nhật)

Model: GS-720

Thang đo: ShoreA (dùng cho cao su)

- Tầm đo: 0~100 HA

(hiệu dụng từ 10~90 HA)

- Kim thép đường kính

1.1 mm ~ 1.4 mm

với đầu nhọn côn 35° (côn cắt cụt)

- Đầu kim nhọn 0.79 mm

- Tải trọng ép : 0.822 kg (~8.064 N)

Kích thước: 60 x 24 x 107mm

Trọng lượng: 180g



Đồng hồ đo áp suất

(Hãng JaKo – Úc)

Dải đo: **0 bar đến 6 bar**

Đường kính mặt: 100 mm

Chân: Đồng

Vỏ: Thép

Kết nối ren: G1/2"

Cấp chính xác: $\pm 1\%$ **Đồng hồ đo áp suất**

(Hãng JaKo – Úc)

Dải đo: **0 bar đến 10 bar**

Đường kính mặt: 100 mm

Chân: Đồng

Vỏ: Thép

Kết nối ren: G1/2"

Cấp chính xác: $\pm 1\%$ **Đồng hồ đo áp suất**

(Hãng JaKo – Úc)

Dải đo: **0 bar đến 16 bar**

Đường kính mặt: 100 mm

Chân: Đồng

Vỏ: Thép

Kết nối ren: G1/2"

Cấp chính xác: $\pm 1\%$ **Đồng hồ đo áp suất**

(Hãng JaKo – Úc)

Dải đo: **0 bar đến 60 bar**

Đường kính mặt: 100 mm

Chân: Đồng

Vỏ: Thép

Kết nối ren: G1/2"

Cấp chính xác: $\pm 1\%$ **Đồng hồ đo áp suất**

(Hãng JaKo – Úc)

Dải đo: **0 bar đến 250 bar**

Đường kính mặt: 160mm

Chân: Đồng

Vỏ: Thép

Kết nối ren: G1/2"

Cấp chính xác: $\pm 1\%$ **Đồng hồ đo áp suất**

(Hãng Spriano – Italia)

Dải đo: **0 bar đến 10 bar**

Đường kính mặt: 100mm

Chân: Inox

Vỏ: Inox

Kết nối ren: G1/2"

Cấp chính xác: 1,6

Dải nhiệt: - 10oC đến 60 oC

Có rìa bảo vệ mặt

**Đồng hồ đo áp suất**

(Hãng Wise – Hàn Quốc)

Dải đo: **0 bar đến 6bar**

Đường kính mặt: 160mm

Chân: Đồng

Vỏ: Thép

Kết nối ren: G1/2" sau

Cấp chính xác: $\pm 1\%$ **Cảm biến áp suất**

(Hãng BDsensor – Đức)

SN: 1147767

Dải đo: **0 đến 6 bar**

Nguồn: 3,6 V 1/2AA

Hiển thị LCD

Cấp chính xác: $\leq \pm 0.125 \% \text{ BFS}$

Dải nhiệt: 0 đến 70oC

Thân: Thép không gỉ



Bộ điều khiển nhiệt độ*(Hãng Brain Chaild)*Model: **BTC7100**

Nguồn cấp: 90 – 250 V; 12 VA

Đầu vào: (PT 100; cặp nhiệt)

Tín hiệu ra: dòng và điện áp

Giao diện: RS485; RS232

Hiển thị số

Kích thước: 72mmx72mm

**Bộ ổn nhiệt***(Hãng Brain Chaild)*Model: **C91**

Nguồn cấp: 90 – 250 V; 10 VA

Đầu vào: (PT 100; cặp nhiệt)

Tín hiệu ra: dòng và điện áp

Giao diện: RS485; RS232

Hiển thị 4 số Led

Kích thước: 48x48mm

**Van bi 2 cửa điều khiển bằng khí nén***(Hãng EA – Đức)*Model: **ZA6-ED43**

Đường kính: DN 20

Piston: Ø 63 (63mm)

Dải nhiệt: -30oC đến 100oC

Kết nối: Butt welding

Vật liệu:

Thân: Thép không gỉ

Bi: Thép không gỉ

**Cạn sứ***(Hãng B – B – Đức)*

Dải đo: max 1600oC

1PT RH 10% - Pt/S

Vật liệu sensor: Sứ

Chiều dài sensor: 350mm

**Cạn nhiệt Pt100***(Hãng Rossel – Đức)*

Dải đo: 0 đến 200oC

Vật liệu: Thép không gỉ

**Cạn nhiệt***(Hãng Sentech – Hàn Quốc)*

Dải đo: 0 đến 450oC

Vật liệu: Thép không gỉ





TOP Technology JSC



Bộ đếm giờ

(Hãng Kobold – Đức)

Model: ZBS-4S

Nguồn cấp: 230VAC/50HZ

Nhiệt độ môi trường: -15 đến 50o

Vỏ: nhựa

Kích thước: 48x48mm

Trọng lượng: 48g

Tiêu chuẩn bảo vệ: IP 52



Cảm biến đo nồng độ khí

(Hãng Euro Gas – Anh)

Model: Zellpell

Dải đo: 0 đến 100% LEL

Nguồn: 3.3 V± 0.02V

Công suất: 230 mW

Dải nhiệt: -550oC đến + 550C

Độ ẩm: 0 đến 99% Rh

Vật liệu: Thân bằng nhôm



Mọi chi tiết xin liên hệ:

Ms. Yến

Sale and marketing dept

Mobile: **0948.007.822**

Email :yen@ttech.vn; yenttech@gmail.com

=====

TOP TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY (Công Ty CP Công Nghệ Dinh Cao)

Headquater: 12 Chan Cam str, Hoan Kiem dist, Hanoi, Vietnam.

North office: Room E2, C4 Building, Xuan Dinh Wards,
Tuliem Dist., Hanoi City, Vietnam.

South office: 27 A1, Binh Chieu str, Thu Duc dist, Ho Chi Minh, Vietnam

Tel : (844) 3750 5142

Fax: (844) 37505143

<http://www.ttech.vn>

Nếu thư này làm phiền Quý Khách Hàng, xin chân thành cao lỗi!